

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24-3-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước

Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị B, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số C đường C T, Khóm E, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh E, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số C đường C T, Khóm E, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 8 năm 2024 và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị B và ông Huỳnh Thanh E đã kết hôn với nhau vào năm 2006, ông bà chung sống với nhau được một thời gian thì năm 2014

ly hôn. Vào ngày 07/6/2017, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường I (nay là Phường A), thành phố S. Trong khoảng thời gian chung sống hôn nhân, ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, có 02 con chung: cháu Huỳnh Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2007, Huỳnh Thanh H, sinh ngày 5/7/2010. Về tài sản: Căn nhà tọa lạc khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng được xây dựng trên thửa đất số 411, tờ bản đồ số 19, địa chỉ Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Trịnh Thị B cho rằng quyền sử dụng đất diện tích 88,5m² thửa đất số 411, tờ bản đồ số 19, địa chỉ Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S cấp ngày 14/3/2017 cho bà Trịnh Thị B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 672460, số vào sổ cấp GCN: CS00306 là tài sản riêng do bà B tạo lập trước khi kết hôn. Về nợ chung: ông bà không có nợ ai.

Bà Trịnh Thị B cho rằng bà Trịnh Thị B và ông Huỳnh Thanh E thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến và không tôn trọng nhau nên vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà không còn chung sống với nhau.

Nay bà Trịnh Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị B được ly hôn với ông Huỳnh Thanh E.

Về con chung: Bà Trịnh Thị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2007, cháu Huỳnh Thanh H, sinh ngày 05/7/2010. Ông Huỳnh Thanh E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị B yêu cầu giao cho bà Trịnh Thị B được toàn quyền sở hữu căn nhà được xây dựng trên thửa đất số 411, tờ bản đồ số 19, địa chỉ Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Trịnh Thị B có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Thanh E ½ giá trị căn nhà, tương ứng giá trị định giá 122.100.000 đồng.

Về nợ chung: Bà Trịnh Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp: 01 trích lục bản sao Giấy Chứng nhận kết hôn giữa Trịnh Thị B và Huỳnh Thanh E, do I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, cấp ngày 07/06/2017; 01 Căn cước công dân tên Trịnh Thị B và Huỳnh Thanh E (Bản sao có chứng thực); Giấy khai sinh của Huỳnh Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2007, Huỳnh Thanh H, sinh ngày 5/7/2010 (bản sao); Bản sao Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 672460, sổ vào sổ cấp GCN: CS00306 được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S cấp ngày 14/3/2017 cho bà Trịnh Thị B; Bản sao hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngày 08/02/2017 tại Văn phòng C; Bản sao Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung số 58 ngày 12/12/2014; Bản sao Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 148 ngày 22 tháng 12 năm 2014;

Bị đơn ông Huỳnh Thanh E trình bày: Ông và bà Trịnh Thị B đã từng đăng ký kết hôn năm 2006 đến năm 2014 ly hôn tại Tòa án, sau đó năm 2017 ông và bà Trịnh Thị B đăng ký kết hôn lại Ủy ban Nhân dân Phường I, thành phố S, thực tế hôn nhân ông và bà B khi ly hôn năm 2014 thì đến khoảng năm 2017 ông bà tiếp tục chung sống với nhau; Về con chung: 02 người con chung: Huỳnh Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2007, cháu Huỳnh Thanh H, sinh ngày 05/7/2010; hiện tại hai cháu cùng chung sống với cha mẹ tại địa chỉ 383/2/37 đường C T, Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Về tài sản chung: Đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 411, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất Khóm E, Phường I, thành phố S do bà Trịnh Thị Bích N chuyển nhượng của ông Phạm Quang B1, Đặng Thị L vào ngày 08/02/2017, giá chuyển nhượng là 70.000.000 đồng, bà B ra số tiền trả là 60 triệu đồng (có nguồn gốc từ cha mẹ bên ông để lại từ việc trước đây chia tài sản chung từ căn nhà và quyền sử dụng đất khu đô thị E), mặc dù thời điểm nhận chuyển nhượng ông và bà B đã ly hôn, nhưng ông bỏ ra số tiền 10 triệu đồng trả một phần giá trị quyền sử dụng đất cùng bà B nên quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng. Đối với căn nhà địa chỉ số C đường C T, Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng được xây dựng vào khoảng tháng 4 năm 2017, có xin phép chính quyền địa phương nhưng không có giấy phép xây dựng, nguồn tiền xây dựng căn nhà: 1,5 cây vàng 24K tương đương giá tiền thời điểm đó 85 triệu đồng, ông và vợ ông là bà Trịnh Thị B vay Ngân hàng (Quỹ tín dụng Nhân dân – nay C1), ký hợp đồng tín dụng để vay là cả hai vợ chồng, có thể chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 411, tờ bản đồ số 19, vay số tiền là 100 triệu đồng, ông là người đứng ra trả gốc và lãi hàng tháng (ông đưa tiền cho bà B đóng trực tiếp gốc và lãi hàng tháng tại Ngân hàng); đối với bà B có vay thêm 100 triệu đồng tại Ngân hàng A để trả trừ qua lương hàng tháng. Ông cho rằng cả

quyền sử dụng đất và căn nhà là tài sản chung của hai vợ chồng. Về nợ chung ông và bà B không có nợ ai, không có cho ai mượn nợ.

Về yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị B thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đối với hai cháu Huỳnh Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2007, Huỳnh Thanh H, sinh ngày 5/7/2010. ông Huỳnh Thanh E không đồng ý để bà Trịnh Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Huỳnh Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2007, Huỳnh Thanh H, sinh ngày 5/7/2010 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, mà ông muốn được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, hằng ngày ông là người trực tiếp chăm sóc nấu ăn cho các con. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà Trịnh Thị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông Huỳnh Thanh E trước khi mở phiên tòa yêu cầu bà B bán căn nhà quyền sử dụng đất chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung, hoặc là ông nhận căn nhà và quyền sử dụng đất, ông giao cho bà Trịnh Thị B số tiền 250 triệu đồng. Hoặc là bà Trịnh Thị B giao cho ông số tiền 300 triệu đồng, thì bà B có toàn quyền đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu căn nhà. Tại phiên tòa, ông đề nghị không chia tài sản là quyền sử dụng đất và căn nhà, để tiếp tục ông và bà B cùng ở chung, trường hợp chia tài sản ông đồng ý giao bà B có toàn quyền đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu căn nhà khi bà B trả cho ông số tiền 300.000.000 đồng

Bị đơn ông Huỳnh Thanh E không giao nộp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho việc trình bày của ông.

Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thu thập: Biên bản lấy lời khai ông Huỳnh Thanh E ngày 30/10/2024; Tờ tường trình của cháu Huỳnh Thị Thanh T và của cháu Huỳnh Thanh H, ngày 11/11/2024: *“Hai cháu đều trình bày nguyện vọng chung sống với mẹ là bà Trịnh Thị B”*

Trích lục hồ sơ sao chụp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ngày 12/02/2025:

“Quyền sử dụng đất diện tích 88,5m² thửa đất số 411, tờ bản đồ số 19, địa chỉ Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng do bà Trịnh Thị Bích N chuyển nhượng vào ngày 08/02/2017 từ người chuyển nhượng là bà Đặng Thị L, ông Phạm Quang B1.”

“Căn nhà xây dựng trên quyền sử dụng đất không thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở”

Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 04/12/2024; báo cáo & chứng thư thẩm định

giá, ngày 19/12/2024 của Công ty T1:

tt	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	CLCL (%)	Giá trị (đồng)
	Thửa đất số 411, tờ bản đồ số 19, khóm 5, phường 9 (nay là Phường 1), thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.				
	Quyền sử dụng đất				236.727.004
1	Đất ở đô thị	50	3.022.904		151.145.200
2	Đất cây lâu năm	38,5	2.222.904		85.581.804
	Công trình xây dựng				244.220.326
1	<i>Nhà chính</i>	53,1	4.939.000	70%	183.582.630
2	<i>Gác lửng</i>	16,2	4.198.150	70%	47.607.021
3	<i>Mái che (nhà tiền chế) phía trước</i>	10,3	1.357.000	70%	9.783.970
4	<i>Hàng rào</i>	4,95	937.000	70%	3.246.705
Tổng cộng					480.947.330
Làm tròn					481.000.000
Bảng chữ: Bốn trăm tám mươi một triệu đồng./.					

Nguyên đơn thống nhất về giá trị tài sản chung tranh chấp, bị đơn không đồng ý kết quả định giá nhưng không lập đơn yêu cầu định giá lại, nêu lý do, căn cứ việc định giá lại theo quy định tại khoản 5 Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Ông Huỳnh Thanh E thừa nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà bà Trịnh Thị B đã trình bày và giao nộp cho Tòa án:

Bà Trịnh Thị B và ông Huỳnh Thanh E thống nhất: Về con chung, tài sản chung (quyền sở hữu căn nhà), nợ chung và về thời kỳ hôn nhân:

Giai đoạn thứ nhất: Ông Huỳnh Thanh E và bà Trịnh Thị B từ 2006 đến ngày 22/12/2014 thì chấm dứt hôn nhân (ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 148/2014/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng). Giai đoạn thứ hai: Từ ngày 07/06/2017, ông Huỳnh Thanh E và bà Trịnh Thị B đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân Phường I, thành phố S cho đến nay.

- Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Về con chung: bà Trịnh Thị B và ông Huỳnh Thanh E đều mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng đối với hai cháu Huỳnh Thị Thanh T và Huỳnh Thanh H.

Về tài sản: Bà Trịnh Thị B cho rằng quyền sử dụng đất là tài sản riêng, ông Huỳnh Thanh E cho rằng quyền sử dụng đất là tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trịnh Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với ông Huỳnh Thanh E và ông E cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, xác định như sau:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị B và ông Huỳnh Thanh E từ 2006 đến ngày 22/12/2014 thì chấm dứt hôn nhân (ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 148/2014/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng). Giai đoạn thứ hai: Từ ngày 07/06/2017, ông Huỳnh Thanh E và bà Trịnh Thị B đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân Phường I, thành phố S, việc xác lập quan hệ vợ chồng phù hợp quy định về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân ông bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị B: Sau thời gian chung sống thì bà B, ông E phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã

n nhau; từ cuối năm 2021 đến nay thì ông bà không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đây là sự vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; ông Huỳnh Thanh E đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông E, xác định bà Trịnh Thị B và ông Huỳnh Thanh E thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung là cháu: Huỳnh Thị Thanh T, sinh ngày 18/02/2007, cháu Huỳnh Thanh H, sinh ngày 05/7/2010 đều giới tính nữ đang ở chung cha mẹ nhà số C đường C T, Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Xuất phát từ tình thương yêu con cả bà B và ông E đều có nguyện vọng mong muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị Thanh T và Huỳnh Thanh H, không thỏa thuận được. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét nguyện vọng ý chí của cháu Huỳnh Thị Thanh T và Huỳnh Thanh H muốn mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trên cơ sở tôn trọng ý kiến của cháu Huỳnh Thị Thanh T và Huỳnh Thanh H, hằng ngày sinh hoạt các cháu gần gũi với mẹ hơn, các cháu là nữ nên giao cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của trẻ em. Ông Huỳnh Thanh E không trực tiếp nuôi dưỡng con được thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở phù hợp theo quy định tại các Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trịnh Thị B không yêu cầu ông Huỳnh Thanh E thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản: Bà Trịnh Thị B và ông Huỳnh Thanh E không thống nhất thỏa thuận được, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] Đối với quyền sử dụng đất: Diện tích 88,5m² thửa đất số 411, tờ bản đồ số 19, địa chỉ Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S cấp ngày 14/3/2017, được bà Trịnh Thị B tạo lập vào thời điểm 08/02/2017 (nhận chuyển nhượng) là trước thời kỳ hôn nhân là có trước khi kết hôn (ngày 07/6/2017) theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là tài sản riêng của bà Trịnh Thị B, nên không chia.

[7.2] Đối với công trình xây dựng trên đất: Nhà chính: diện tích 53,1m²; Góc lửng: diện tích 16,2 m²; Mái che (nhà tiền chế) phía trước: diện tích 10,3 m²; Hàng rào: diện tích 4,95 m², được xây dựng vào đầu tháng 02/2017 đến ngày 21/02/2017 xây dựng hoàn thành là vào thời điểm trước khi kết hôn, bà B thừa nhận ông Huỳnh Thanh E có công đóng góp vào xây dựng căn nhà nên bà B tự nguyện đồng ý chia cho ông Huỳnh Thanh E 50% giá trị căn nhà, tương ứng số tiền 122.100.000 đồng. Ông Huỳnh Thanh E trình bày cả quyền sử dụng đất và căn nhà xây dựng trên quyền

sử dụng đất là tài sản chung nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc trình bày của ông là có căn cứ và hợp pháp. Xét sự tự nguyện chia tài sản của bà Trịnh Thị B có tính công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập tài sản theo quy định điểm b Khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[8] Về nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Đối với phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về chi phí tố tụng: Căn cứ theo khoản 2 Điều 157, Khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí thẩm định, định giá theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia đối với tổng số tiền thẩm định, định giá là 9.950.000 đồng. Như vậy, bà B phải chịu (50% x 9.950.000đồng = 4.975.000 đồng) bà B đã thực hiện xong. Ông E phải chịu (50% x 9.950.000đồng = 4.975.000 đồng), bà B đã nộp tạm ứng nên ông E trả lại cho bà Trịnh Thị B số tiền 4.975.000 đồng. Đối với chi phí trích lục hồ sơ địa chính số tiền 600.000 đồng, nguyên đơn phải chịu chi phí này, bà B đã thực hiện xong

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn bà Trịnh Thị B và bị đơn ông Huỳnh Thanh E thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 25% án phí quy định; Bà Trịnh Thị B và ông Huỳnh Thanh E phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần giá trị được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1,2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 157; Khoản 2 Điều 165; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 19; Điều 55, Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 7 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao- Viện kiểm sát nhân dân tối cao –Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị B về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với ông Huỳnh Thanh E.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị B và ông Huỳnh Thanh E thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Trịnh Thị B trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Huỳnh Thị Thanh T (giới tính: nữ), sinh ngày 18/02/2007, Huỳnh Thanh H (giới tính: nữ), sinh ngày 5/7/2010. Ông Huỳnh Thanh E không phải cấp dưỡng nuôi con đối với hai cháu Huỳnh Thị Thanh T, Huỳnh Thanh H.

Ông Huỳnh Thanh E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc hai cháu Huỳnh Thị Thanh T (giới tính: nữ), sinh ngày 18/02/2007, Huỳnh Thanh H (giới tính: nữ), sinh ngày 5/7/2010 theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1.3. Về chia tài sản:

1.3.1. Xác định tài sản riêng của bà Trịnh Thị B: Quyền sử dụng đất diện tích 88,5m² thửa đất số 411, tờ bản đồ số 19, địa chỉ Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 672460, số vào sổ cấp GCN: CS00306., được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S cấp ngày 14/3/2017 cho bà Trịnh Thị Bích .

1.3.2. Giao cho bà Trịnh Thị B có toàn quyền sở hữu công trình trên đất là:

Căn nhà số C đường C T, Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng: Căn nhà 01 tầng + gác lửng có diện tích tầng trệt 53,1m²(3,95 x12,5 + 2,5 x 1,5) (căn nhà nền lát gạch men, Khung BTCT, vách tường gạch ốp gạch men cao 1,15m, trần laphông, mái tole, sàn gác lửng bê tông nhẹ lát gạch men, mái tole)

Mái che phía trước có diện tích 10,3m²: (nền bê tông xi măng, vách tường gạch cao 0,45m+khung sắt, mái tole);

Hàng rào phía sau: 2,5m + 2,45 m = 4,95 m vách tường gạch cao 0,85 m, K sắt.

Tất cả đều được xây dựng trên Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của bà Trịnh Thị B: Quyền sử dụng đất diện tích 88,5m² thửa đất số 411, tờ bản đồ số 19, địa chỉ Khóm E, Phường I, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CG 672460, số vào sổ

cấp GCN: CS00306, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh S cấp ngày 14/3/2017 cho bà Trịnh Thị Bích .

Bà Trịnh Thị B có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Thanh E số tiền 122.100.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu, một trăm nghìn đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Huỳnh Thanh E phải chịu số tiền 4.975.000 đồng (Bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để trả cho bà Trịnh Thị Bích . Bà Trịnh Thị B phải chịu số tiền 4.975.000 đồng (Bốn triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) chi phí trích lục hồ sơ, bà B đã thực hiện xong.

4/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị B phải chịu số tiền 75.000 đồng (án phí thuận tình ly hôn) và 6.105.000 đồng (án phí có giá ngạch tài sản chung được chia), tổng cộng là 6.180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 2.800.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001947 ngày 06/8/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà Trịnh Thị B phải nộp số tiền còn lại là 3.380.000 đồng (*Ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*)

Ông Huỳnh Thanh E phải chịu số tiền 75.000 đồng (án phí thuận tình ly hôn) và 6.105.000 đồng (án phí có giá ngạch tài sản chung được chia), tổng cộng là 6.180.000 đồng (*Sáu triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5/. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Như